## IX. LĨNH VỰC THỦY LỢI

## 3. Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp. Mã thủ tục - 2.001627.

**(1) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ:

Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

- Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt; trường hợp không phê duyệt thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

### (2) Địa điểm thực hiện

### - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

### + Quầy số 13 - 0273.3993889 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 5 - 02773.898962 tại địa chỉ: Tòa nhà Bưu điện tỉnh Đồng Tháp, số 85 Nguyễn Huệ, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính*;*

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

### (3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

### (4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**- Thành phần hồ sơ bao gồm:**

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành được lập theo mẫu 01 tại Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018;

+ Dự thảo quy trình vận hành công trình theo mẫu 02 tại Phụ lục I Thông tư 25/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/5/2018;

+ Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;

+ Văn bản góp ý kiến của các tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức khai thác công trình thủy lợi, cơ quan, đơn vị liên quan;

+ Bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi.

- ***Số lượng hồ sơ:*** 01 bộ.

**(5) Thời hạn giải quyết**: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

**(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, Cá nhân

### (7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

- Cơ quan phối hợp (nếu có)

**(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định

Sau khi có kết quả phương án được phê duyệt đề nghị UBND cấp xã gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để biết và theo dõi.

**(9) Lệ phí, phí (nếu có):** Không quy định**.**

### (10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành được lập theo mẫu 01 tại Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018;

### - Dự thảo quy trình vận hành công trình theo mẫu 02 tại Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/5/2025.

### (11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

**(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018;

- Khoản 1 Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.

- Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:**

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành được lập theo mẫu 01 tại Phụ lục I

- Dự thảo quy trình vận hành công trình theo mẫu 02 tại Phụ lục I;

- Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;

- Văn bản góp ý kiến của các tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức khai thác công trình thủy lợi, cơ quan, đơn vị liên quan;

- Bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi.

**(14)** **Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:**

- Quyết định.

**Mẫu 01:** **Mẫu Tờ trình**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH**  Số.................. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..............., ngày........tháng........năm 20......* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt và ban hành**

**Quy trình vận hành công trình thuỷ lợi**....................

**Kính gửi**: [*tên cơ quan phê duyệt và ban hành*]

Căn cứ Quyết định số....................................... ngày ......../......../20.................. của...................... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của........

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi ngày........tháng........năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ....................................................................................................................

Căn cứ....................................................................................................................

Quy trình vận hành công trình thuỷ lợi.......... đã được.............. lập......

[*Tên đơn vị trình*] lập Tờ trình kính đề nghị [*tên cơ quan phê duyệt và ban hành*] phê duyệt và ban hành quy trình vận hành công trình thuỷ lợi.............................. với nội dung chính như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG QUY TRÌNH**

1. Tên công trình: ...............................................................................................

2. Loại công trình: (đặc biệt, liên tỉnh, 01 tỉnh…) ..................................................

3. Người quyết định đầu tư: ................................................................................

4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại, ...): ....

5. Địa điểm: ........................................................................................................

6. Nguồn vốn đầu tư: ...........................................................................................

7. Thời gian thực hiện: ...........................................................................................

8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .......................................................................

9. Nhà thầu lập Quy trình vận hành công trình thủy lợi: ....................................

10. Các thông tin khác (nếu có): ............................................................................

**II. HỒ SƠ KÈM THEO GỒM CÓ:**

1. Văn bản pháp lý:

- Văn bản chủ trương về việc lập quy trình vận hành công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương lập quy trình vận hành (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập quy trình vận hành;

- Quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch thủy lợi vùng, các tỉnh của công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ kèm theo gồm có:

- Bản dự thảo "Quy trình vận hành công trình thuỷ lợi" theo mẫu Phụ lục I, Thông tư này.

- Các tài liệu tính toán (Kiểm tra lại các thông số khí tượng thủy văn, năng lực của các công trình thủy lợi, yêu cầu cấp nước, tiêu nước, cân bằng nước)

- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật: báo cáo tính toán nhu cầu nước, thủy văn, thủy nông, thủy lực….

- Các văn bản, tài liệu sử dụng trong quá trình lập quy trình.

- Các văn bản đóng góp ý kiến của địa phương, ngành liên quan.

- Các tài liệu liên quan khác kèm theo.

- Bản điện tử lưu trữ toàn bộ hồ sơ trình thẩm định.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan phê duyệt) phê duyệt quy trình vận hành (Tên quy trình)./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  *- Như trên;*  *- Tên cơ quan thẩm định;*  *- Lưu.* | *[Tên đơn vị trình]*  **Thủ trưởng**  *(Ký tên và đóng dấu)* |

**Mẫu số 02:**

**QUY TRÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI QUAN TRỌNG ĐẶC BIỆT, CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LỚN, CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VỪA**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**  Số: /QĐ-…… | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *........., ngày........tháng........năm 20*...... |

**Quy trình vận hành công trình thuỷ lợi ................................**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số................./QĐ-…… ngày / /20…  
của ……………………………………..)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Cơ sở pháp lý**

Trích dẫn các văn bản pháp quy liên quan đến quản lý khai thác công trình thủy lợi: Luật Thủy lợi; Luật Tài nguyên nước; Luật Đê điều; Luật Phòng, chống thiên tai và các văn bản liên quan khác.

**2. Nguyên tắc vận hành công trình**

Vận hành công trình mang tính hệ thống không chia cắt theo địa giới hành chính; vận hành, khai thác theo thiết kế và năng lực thực tế của các công trình.

**3. Nhiệm vụ của hệ thống công trình: Tưới, cấp nước, tiêu, thoát nước, rửa mặn, ngăn lũ…**

**4. Thông số kỹ thuật chủ yếu của các công trình đầu mối chủ yếu trong hệ thống**

**5. Các quy định khác tuỳ theo điều kiện cụ thể của hệ thống**

**Chương II**

**VẬN HÀNH TƯỚI, CẤP NƯỚC**

**1. Trường hợp nguồn n­ước đảm bảo yêu cầu dùng nước**

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng cần lấy qua công trình đầu mối và các công trình phân  
phối n­ước.

**2. Trường hợp nguồn n­ước không đảm bảo yêu cầu dùng nước**

- Mức độ đảm bảo cấp n­ước theo thứ tự ­ưu tiên đối với các đối t­ượng dùng nước;

- Các giải pháp: Bổ sung nguồn n­ước, phân phối n­ước hợp lý tiết kiệm, điều chỉnh yêu cầu dùng n­ước...;

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng cần lấy qua công trình đầu mối và các công trình phân phối nước.

**3. Trường hợp khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước, thau chua, rửa mặn hệ thống**

- Mức độ đảm bảo cấp n­ước theo thứ tự ­ưu tiên đối với các đối t­ượng dùng n­ước;

- Các giải pháp: Bổ sung nguồn n­ước, phân phối n­ước hợp lý tiết kiệm, điều chỉnh yêu cầu dùng n­ước...;

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng cần lấy qua công trình đầu mối và các công trình phân phối nước.

**4. Trư­ờng hợp đặc biệt**

Dự báo có tin bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mư­a lớn ảnh hưởng đến hệ thống; Lũ sông cao (từ báo động 3 trở lên); công trình chính gặp sự cố.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng cần lấy qua công trình đầu mối và các công trình phân  
phối n­ước.

**Chương III**

**VẬN HÀNH TIÊU, THOÁT NƯỚC**

**I. Vận hành tiêu thoát nước**

Vận hành hệ thống tiêu sau mỗi đợt t­ưới hoặc có những vùng cục bộ cần tiêu để ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt, cải thiện chất lượng nước, cụ thể:

**1. Hệ thống không ảnh h­ưởng thuỷ triều**

a) Trường hợp 1: Năng lực của hệ thống đảm bảo yêu cầu tiêu nước.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng n­ước tiêu tại các trạm bơm đầu mối ứng với mư­a thiết kế (tính theo lượng mư­a 1, 3, 5.. ngày lớn nhất).

b) Trường hợp 2: Năng lực của hệ thống không đảm bảo yêu cầu tiêu nước (l­ượng mư­a thực tế lớn hơn l­ượng mư­a thiết kế).

- Thứ tự và mức độ ưu tiên đảm bảo tiêu n­ước đối với các đối t­ượng cần tiêu nước;

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng n­ước tiêu tại các trạm bơm đầu mối ứng với mư­a thiết kế (tính theo lượng mư­a 1, 3, 5.. ngày lớn nhất);

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu n­ước, thay đổi diện tích vùng tiêu hoặc hướng tiêu, điều chỉnh yêu cầu tiêu n­ước (l­ưu lượng và thời gian tiêu nước)... tuỳ theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự­ ưu tiên của đối t­ượng.

**2. Hệ thống ảnh h­ưởng thuỷ triều**

a) Tr­ường hợp 1: M­ưa nhỏ hơn m­ưa thiết kế, gặp kỳ triều cư­ờng.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- L­ưu l­ượng nư­ớc tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

b) Tr­ường hợp 2: M­ưa nhỏ hơn m­ưa thiết kế, gặp kỳ triều kém.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- L­ưu l­ượng nư­ớc tiêu tại các trạm bơm đầu mối.

c) Tr­ường hợp 3: M­ưa lớn hơn m­ưa thiết kế, gặp kỳ triều cư­ờng, lũ sông thấp.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực n­ước tại các công trình điều tiết;

- L­ưu l­ượng nư­ớc tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, h­ướng tiêu... tuỳ theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối t­ượng.

d) Trường hợp 4: M­ưa lớn hơn m­ưa thiết kế, gặp kỳ triều kém, lũ sông thấp.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- L­ưu l­ượng nư­ớc tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, h­ướng tiêu... tuỳ theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối t­ượng.

đ) Trường hợp 5: M­ưa nhỏ hơn mư­a thiết kế, gặp kỳ triều c­ường, lũ sông cao.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- L­ưu l­ượng nư­ớc tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, h­ướng tiêu... tuỳ theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối t­ượng.

e) Trư­ờng hợp 6: M­ưa nhỏ hơn mư­a thiết kế, gặp kỳ triều kém, lũ sông cao.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- L­ưu l­ượng nư­ớc tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, h­ướng tiêu... tuỳ theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối t­ượng.

g) Trư­ờng hợp 7: M­ưa lớn hơn mư­a thiết kế, gặp kỳ triều cư­ờng, lũ sông cao.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- L­ưu l­ượng nư­ớc tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, h­ướng tiêu... tuỳ theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối t­ượng.

h) Tr­ường hợp 8: M­ưa lớn hơn m­ưa thiết kế, gặp kỳ triều kém, lũ sông cao.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- L­ưu l­ượng nư­ớc tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, h­ướng tiêu... tuỳ theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối t­ượng.

**II. Vận hành thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường**

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- L­ưu l­ượng nư­ớc tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, h­ướng tiêu... tuỳ theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối t­ượng.

**III. Vận hành tiêu n­ước đệm**

Dự báo có bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc các hình thái thời tiết gây m­ưa lớn trong hệ thống.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- L­ưu l­ượng n­ước tiêu tại các trạm bơm đầu mối.

**IV. Vận hành trong trường hợp đặc biệt:** Quy định vận hành công trình khi có nguy cơ xảy ra sự cố hoặc xảy ra sự cố.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mực nước tại các công trình điều tiết;

- L­ưu l­ượng n­ước tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, h­ướng tiêu... tuỳ theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối t­ượng; đề xuất phương án xử lý nguy cơ xảy ra sự cố hoặc khắc phục khẩn cấp sự cố để đảm bảo an toàn.

**Chương IV**

**QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

**1. Quy định các trạm, điểm đo và theo dõi l­ượng mưa, mực n­ước, lưu lượng và bốc hơi**

**2. Quy định chế độ quan trắc theo mùa, vụ sản xuất**

**3. Quy định đo kiểm tra định kỳ, chất lư­ợng n­ước của hệ thống**

**4. Quy định chế độ báo cáo, sử dụng và l­ưu trữ tài liệu KTTV**

**5. Quy định chế độ kiểm tra định kỳ các thiết bị, dụng cụ quan trắc KTTV**

**Chương V**

**TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN**

**1. Quy định nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân đối với việc vận hành hệ thống**

- Uỷ ban nhân dân các cấp;

- Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN các cấp;

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với công trình thủy lợi do Bộ quản lý; Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh quản lý;

- Các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác hệ thống công trình thuỷ lợi;

- Các tổ chức, cá nhân h­ưởng lợi.

**2. Quy định nhiệm vụ và quyền hạn đối với việc huy động nhân lực, vật tư­ để ứng cứu, phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn công trình của các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền**

**Chương VI**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Thời điểm thi hành QTVH hệ thống**

**2. Nguyên tắc sửa đổi, bổ sung QTVH hệ thống**

**3. Hình thức xử lý vi phạm QTVH hệ thống theo quy định của pháp luật**

*(Tên cơ quan phê duyệt )*

**Thủ tr­ưởng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục kèm theo quy trình vận hành công trình**

**1. Tổng quan về hệ thống công trình thuỷ lợi**

- Đặc điểm hệ thống (địa hình, KTTV, dân sinh kinh tế, môi tr­ường...);

- Danh mục các văn bản pháp quy liên quan đến hệ thống (qui hoạch, thiết kế, bổ sung nâng cấp công trình...).

**2. Thống kê các công trình chủ yếu**

Thống kê các công trình đầu mối và các công trình trên trục chính (vị trí, thông số kỹ thuật, nhiệm vụ, đặc điểm hiện trạng…).

**3. Bản đồ hệ thống theo thiết kế đư­ợc duyệt**

- Bản đồ hiện trạng công trình và phân vùng t­ưới in trên khổ A3;

- Bản đồ hiện trạng công trình và phân vùng tiêu in trên khổ A3.

## (15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC

a) Thời gian thực hiện: Không quá **160 giờ (20 ngày làm việc)** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Trình tự thực hiện: Quy trình nội bộ và điện tử **160 giờ (20 ngày làm việc)**

***- Trường hợp nhận hồ sơ tại Trung tâm PVHCC cấp xã (nơi có thẩm quyền giải quyết (trực tuyến, trực tiếp, BCCI)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| 1 | Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến  Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | Công chức  TTPVHCC cấp xã | 08 giờ |
| 2 | Giải quyết hồ sơ  *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính )* | Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 128 giờ |
| 3 | Ký tắt hồ sơ | Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 08 giờ |
| 4 | Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo UBND  cấp xã | 08 giờ |
| 5 | Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC | Công chức nghiệp vụ văn thư | 08 giờ |
| 6 | Trả kết quả cho cá nhân,  tổ chức | Công chức TTPVHCC | Giờ hành chính |

**-** ***Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| 1 | Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp xã (nơi có thẩm quyền giải quyết) | Công chức TTPVHCC (nơi nhận hồ sơ) | 04 giờ |
| 2 | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức TTPVHCC cấp xã (nơi có thẩm quyền giải quyết) | 04 giờ |
| 3 | Giải quyết hồ sơ  *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)* | Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 128 giờ |
| 4 | Ký tắt hồ sơ | Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 08 giờ |
| 5 | Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo UBND  cấp xã | 08 giờ |
| 6 | Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết) | Công chức nghiệp vụ văn thư | 04 giờ |
| 7 | Chuyển công chức TTPVHC (nơi nhận hồ sơ) | Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết) | 04 giờ |
| 8 | Trả kết quả cho cá nhân,  tổ chức | Công chức TTPVHCC  (nơi nhận hồ sơ) | Giờ hành chính |